

Mã số mẫu : 1148.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn: Chi nhánh Phú Tân - CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU)	TCU SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,81	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,71	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,92	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p **TRƯỞNG KHOA**

lu
Võ Chi Giém

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Số: 1179/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1149.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chùa Quan Âm_Tân Thạch - CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,81	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,82	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,63	/

Nhận xét:Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA


Võ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 1180/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1150.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: KCN Giao Long - CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU)	TCU SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,77	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	6,94	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,57	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Cẩm

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1181/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1151.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC THÔ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Sông Ba Lai
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$4,6.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$9,3.10^2$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,06	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ B 2017	24,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	2,15	/
7	Hàm lượng Nitrat mg/l	TCVN 6180 - 1996	3,21	/
8	Hàm lượng Nitrit mg/l	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017	< 0,03	/
9	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	20,00	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1151.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;

TRƯỜNG KHOA



Võ Thị Giém

KC GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE
Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1182/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1152.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Kênh Thanh Bình Sơn Đông
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	15	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	< 3	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,11	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017	27,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	2,05	/
7	Hàm lượng Nitrat mg/l	TCVN 6180 - 1996	3,80	/
8	Hàm lượng Nitrit mg/l	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017	0,03	/
9	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	6,00	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1152.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;

p. **TRƯỞNG KHOA**


Võ Thị Cẩm



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Số: 1184/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1154.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Trạm Tăng Áp
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU)	TCU SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	1,33	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,12	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,63	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. **TRƯỞNG KHOA**

Võ Thị Cẩm



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1153.19
Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Sơn Đông
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	8,18	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	1,06	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,09	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,74	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỜNG KHOA


Võ Thị Cẩm

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 1185/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1155.19

Ngày : 16/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Nhờ - Khu dân cư KP3 – Phú Tân Chợ Chùa
Ngày lấy mẫu (*) : 04/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/9 - 13/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH/100ml LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,91	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,17	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA


Võ Thị Cẩm

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Số: 1196/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1166.19

Ngày : 17/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu (*) : 05/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 05/9 - 16/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,83	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,22	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,96	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Võ Thị Giem



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1167.19

Ngày : 17/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn: Chi nhánh Giồng Trôm - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu (*) : 05/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 05/9 - 16/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	11,16	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	1,31	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,18	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,79	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1167.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Cẩm



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1198/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1168.19

Ngày : 17/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 964

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn: Bình Thành - NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu (*) : 05/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 05/9 - 16/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	7,73	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	1,34	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,18	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,49	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. **TRƯỞNG KHOA**



Võ Thị Giem



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1165.19

Ngày : 17/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Sông cầu Lương Quới
Ngày lấy mẫu (*) : 05/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 05/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 05/9 - 16/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	43	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	< 3	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,64	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017	182,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,65	/
7	Hàm lượng Nitrat mg/l	TCVN 6180 - 1996	2,20	/
8	Hàm lượng Nitrit mg/l	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017	0,05	/
9	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	12,00	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1165.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;

p. TRƯỞNG KHOA



Vũ Thị Giém



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1131.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 964

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=250 TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,88	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	8,12	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,61	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. **TRƯỞNG KHOA**

Võ Thị Cẩm



Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1162/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1132.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn – Tập hóa Lập Hưng – Hòa Nghĩa, Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=2,50 TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	1,22	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,72	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,33	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1132.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Cẩm



Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Số: 1163/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1133.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn – Phở Thúy – Khu phố 1, Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=2,50TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	0,99	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,74	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,3	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chi tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Võ Chi Tiêm

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kiều Đình

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1134.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 964

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Đầu nguồn An Hiệp
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	Escherichia coli CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=2,50TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,52	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,81	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

p. TRƯỞNG KHOA



Võ Thị Giém

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Đình

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1165/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1135.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Giữa nguồn – Café Trúc – KCN An Hiệp
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=250TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,44	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,66	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Cẩm

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Đình

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1136.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 964

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Cuối nguồn – Hộ Cẩm Vân – Cầu Cây Đa
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKDBĐ (**)
1	Coliform CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i> CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009 (a)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc (TCU) TCU	SMEWW 2120C 2017 (b)	15	KPH (MLOD=2,50 TCU)	/
4	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục NTU	SMEWW 2130B 2017	≤ 2	< 0,50	/
6	pH	TCVN 6492 - 2011 (a)	6,0 – 8,5	7,45	/
7	Chlor dư tự do mg/l	Máy HANNA HI 9670 Free Chlorine (2)	0,2-1,0	0,52	/

Nhận xét: Mẫu nước đã xử lý có các chỉ tiêu được thử nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt) của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- (2): Chỉ tiêu do Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre thực hiện tại hiện trường;
- Kết quả: KPH: không phát hiện;
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.
- (b) Phép thử được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP.

TRƯỞNG KHOA



Võ Thị Giém

GIÁM ĐỐC
PHÒNG CHÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Bình

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1137.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : NƯỚC THÔ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBD (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$9,3.10^2$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$4,3.10^2$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,56	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	0,16	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017	9,50	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	2,05	/
7	Hàm lượng Nitrat mg/l	TCVN 6180 - 1996	2,01	/
8	Hàm lượng Nitrit mg/l	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017	0,07	/
9	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	82,00	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1137.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;

TRƯỞNG KHOA



Võ Thị Giém



Nguyễn Hữu Bình

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 1168/KSBT-XN

Mã số mẫu : 1138.19

Ngày : 12/9/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : An Hiệp
Ngày lấy mẫu (*) : 03/9/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/9/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/9 - 11/9/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$4,3.10^2$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	< 3	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,46	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	0,14	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ -B 2017	14,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	1,90	/
7	Hàm lượng Nitrat mg/l	TCVN 6180 - 1996	2,20	/
8	Hàm lượng Nitrit mg/l	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ -B 2017	0,04	/
9	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	26,00	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 1138.19

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 01 chai thủy tinh 200ml và 01 bình nhựa 01 lít, không nhãn, NSX-HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện;

TRƯỞNG KHOA



Võ Thị Gióm

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Bến Tre, ngày 24 tháng 9 năm 2019

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 09/2019
(Thực hiện theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT)

1. NHÀ MÁY NƯỚC AN HIỆP

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 03/9/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1134.19	1135.19	1136.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	KPH	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	< 0,5	< 0,5	< 0,5	≤ 2NTU
6	pH	7,52	7,44	7,45	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,81	0,66	0,52	0,2 - 1 mg/l

2. NHÀ MÁY NƯỚC SƠN ĐÔNG

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 4/9/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1153.19	1155.19	1154.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	8,18	< 7,5	< 7,5	15 TCU
4	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1153.19	1155.19	1154.19	
		có mùi, vị lạ	có mùi, vị lạ	có mùi, vị lạ	
5	Độ đục	1,06	0,91	1,33	≤ 2NTU
6	pH	7,09	7,17	7,12	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,74	0,3	0,63	0,2 - 1 mg/l

3. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC PHÚ TÂN

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 04/9/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1148.19	1149.19	1150.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	< 7,5	< 7,5	< 7,5	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	0,81	0,81	0,77	≤ 2NTU
6	pH	6,71	6,82	6,94	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,92	0,63	0,57	0,2 - 1 mg/l

4. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CHỢ LÁCH

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 03/9/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01- 1:2018/BYT
		1131.19	1132.19	1133.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01-1:2018/BYT
		1131.19	1132.19	1133.19	
3	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	KPH	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	0,88	1,22	0,99	≤ 2NTU
6	pH	8,12	7,72	7,74	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,61	0,33	0,3	0,2 - 1 mg/l

5. CHI NHÁNH CẤP NƯỚC GIÒNG TRÔM

Tổng số mẫu xét nghiệm mức độ A ngày lấy mẫu 05/9/2019:

03 mẫu

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ			QCVN 01-1:2018/BYT
		1166.19	1167.19	1168.19	
1	Coliform	KPH	KPH	KPH	<3 CFU/100ml
2	e.coli	KPH	KPH	KPH	<1 CFU/100ml
3	Màu sắc (TCU)	< 7,5	11,16	7,73	15 TCU
4	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
5	Độ đục	0,83	1,31	1,34	≤ 2NTU
6	pH	7,22	7,18	7,18	6,0 - 8,5
7	Chlor dư tổng cộng	0,96	0,79	0,49	0,2 - 1 mg/l

DUYỆT CỦA BAN TGD

TP. KỸ THUẬT

NGƯỜI LẬP



Hoàng Ngọc Sơn

Phạm Thị Anh Thư

Phan Thanh Bình